TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/KDTM-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Bà Lê Phi Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2019/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ: Số 89 đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96 đường C, Phường Y, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huỳnh Hữu T, năm sinh 1994; Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96 đường C, Phường Y, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 11995/2019/AMC-PN ngày 10/4/2019).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Phụ liệu Ngành may B; Địa chỉ: Số 36/4/35 đường V, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng K, năm sinh 1974; Chức danh: Giám đốc (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Hồng K, năm sinh 1974 (Vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn Hữu P, năm sinh 1996 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 36/4/35 đường V, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Nguyễn Huỳnh Hữu T, người đại hợp pháp trình bày: Ngày 12/4/2018 Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Phụ liệu Ngành may B (viết tắt Công ty B) ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Quận U (viết tắt Ngân hàng V) hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HDHM và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12/4/2018, theo đó Ngân hàng V cho Công ty B vay số tiền 300.000.000 đồng, được thể hiện bằng các khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ lần 01 số SME/Q11/18/0011/HĐHM-01 ngày 17/4/2018 số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 20.8%/năm. Khế ước nhận nợ lần 02 số SME/Q11/18/0011/HĐHM-02 ngày 29/6/2018, số tiền vay 87.864.546 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.9%/năm và Khế ước nhận nợ lần 03 số SME/Q11/18/0011/HĐHM-03 ngày 17/9/2018, số tiền vay 94.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 23.4%/năm. Tổng số tiền mà Công ty B đã vay theo hợp đồng nêu trên là 381.864.546 đồng.

Ngoài ra ngày 21/4/2018, Công ty B ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 02, theo đó Ngân hàng V - Chi nhánh Quận U đồng ý phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard và Business Credit với hạn mức 200.000.000 đồng bằng 02 thẻ, trong đó gồm 01 thẻ chính và 01 thẻ phụ. Thẻ chính được cấp cho người sử dụng là ông Nguyễn Hồng K có hạn mức 150.000.000 đồng và thẻ phụ được cấp cho người sử dụng là ông Nguyễn Hồng P với hạn mức 50.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 12/4/2018 ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P và Ngân hàng V - Chi nhánh Quận U ký hợp đồng bảo lãnh số SME/Q11/18/0011/HDBL.THE 01 và số SME/Q11/18/0011/HDBL.THE 02, theo đó ông K và ông P bảo lãnh cho Công ty B khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HDHM ngày 12/4/2018. Tiếp đến ngày 23/4/2018 ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P và Ngân hàng V- Chi nhánh Quận U ký hợp đồng bảo lãnh số SME/HĐBL/VPBank-THE.01 và số SME/HĐBL/VPBank-THE.02, theo đó ông K và ông P bảo lãnh cho Công ty B khoản vay từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 02 ngày 23/4/2018. Theo thỏa thuận trong các hợp đồng bảo lãnh này, trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng V thì ông K và ông P sẽ trả nợ thay cho Công ty B.

Thực hiện hợp đồng, Công ty B đã trả cho Ngân hàng V tiền nợ gốc và tiền lãi, cụ thể: Đối với khế ước nhận nợ lần 01 ngày 17/4/2018 đã trả được tiền nợ gốc 117.304.524 đồng, tiền lãi 14.913.001 đồng. Khế ước nhận nợ lần 2 ngày 29/6/2018 đã trả được tiền nợ gốc 37.000.000 đồng, tiền nợ lãi 7.136.368 đồng. Còn khế ước nhận nợ lần 3 thì không trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Đối với khoản vay tín chấp, sau khi Công ty B sử dụng thẻ thì cũng không trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền nợ gốc 227.560.022 đồng và tiền nợ lãi 85.936.872 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc theo khế ước nhận nợ lần 01 là 82.695.476 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày 22/10/2019 là 33.167.770 đồng; Tiền nợ gốc theo khế ước nhận nợ lần 02 là 50.864.546 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 25/12/2018 đến ngày 22/10/2019 là 15.842.438; Tiền nợ gốc theo khế ước nhận nợ lần 03 là 94.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 36.926.664 đồng và Tiền nợ thẻ tính đến ngày 22/10/2019 là 262.560.622 đồng, tổng cộng 02 khoản vay là 575.665.516 đồng. Trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng V yêu cầu ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P có trách nhiệm trả khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký cho đến khi hết nợ.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Phụ liệu Ngành may B vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K và ông P.

Tại phiên tòa;

Ông Nguyễn Huỳnh Hữu T, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty B trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi của 02 khoản vay là 575.665.516 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 23/10/2019 trở đi, Công ty B còn phải chịu tiếp tiền lãi như đã thỏa thuận. Trường hợp Công ty B không trả hoặc trả không đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty B như đã cam kết.

Bị đơn Công ty B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc Công ty B có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 575.665.516 đồng. Trường hợp Công ty B không trả hoặc trả không đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty B như đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng V và Công ty B giao kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HDHM ngày 12/4/2018 và mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thương mại phụ liệu ngành may. Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Công ty B có trụ sở chính tại: Số 36/4/35 đường V, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng V khởi kiện Công ty B tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn Công ty B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty B, ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, Công ty B, ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt Công ty B, ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền nợ gốc 227.560.022 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HĐHM ngày 12/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 12/4/2018 thì Công ty B được Ngân hàng V cấp hạn mức cho vay 300.000.000 đồng và giải ngân số tiền theo từng khế ước nhận nợ: - Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/Q11/18/0011/HĐHM-01 ngày 17/4/2018 với số tiền là 200.000.000 đồng, trả làm 12 kỳ, trả vào ngày 25 của mỗi tháng và Công ty B đã trả được số tiền 117.304.524 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 82.695.476 đồng. - Khế ước nhận nợ lần 02/số SME/Q11/18/0011/HDHM-02 ngày 29/6/2018 với số tiền 87.864.546 đồng, trả làm 12 kỳ, trả vào ngày 25 của mỗi tháng và Công ty B đã trả được số tiền 37.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 50.864.546 đồng. - Khế ước nhận nợ lần 03/số SME/Q11/18/0011/HDHM-03 ngày 17/9/2018 với số tiền 94.000.000 đồng, trả làm 12 kỳ, trả vào ngày 25 của mỗi tháng nhưng Công ty B không trả tiền nợ cho Ngân hàng V. Do, Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ.

[5] Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền nợ thẻ 262.168.622 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 02, cho thấy Ngân hàng V đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard với hạn mức 200.000.000 đồng có thời hạn 60 tháng với 01 thẻ chính cho người sử dụng là ông Nguyễn Hồng K có hạn mức 150.000.000 đồng và 01 thẻ phụ cho người sử dụng là ông Nguyễn Hồng P với hạn mức 50.000.000 đồng. Ngân hàng V cho rằng đã giao thẻ cho Công ty B sử dụng nhưng không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc đã giao thẻ. Tuy nhiên, Ngân hàng V có cung cấp bảng sao kê tài khoản thẻ thể hiện Công ty B

đã giao dịch dư nợ cuối kỳ là 262.168.622 đồng, điều này cũng phù hợp với biên biên bản làm việc ngày 28/01/2019 giữa Ngân hàng V và Công ty B. Do, Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền nợ thẻ nêu trên là có căn cứ.

[6] Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền lãi: Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HĐHM ngày 12/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 12/4/2018 giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Quận U và Công ty B, các bên thỏa thuận lãi suất sẽ được áp dụng trong các khế ước nhận nợ và lãi suất cho vay được cộng thêm 1,5%/năm. Lãi suất được áp dụng theo khế ước nhận nợ lần 01/số SME/Q11/18/0011/HDHM-01 ngày 17/4/2018 là 24,8%/năm. Khế ước nhận nợ lần 02/số SME/Q11/18/011/HDHM-02 ngày 29/6/2018 là 21,9%/năm và khế ước nhận nợ lần 03/số SME/Q11/0011/HDHM-03 ngày 17/3/2018 là 23,4%/năm. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Công ty B đã vi phạm cam kết trả tiền nợ gốc và tiền lãi nên Ngân hàng V đã chuyển khoản nợ gốc vay còn lại 227.560.022 đồng sang thành nợ quá hạn kể từ ngày vi phạm, cụ thể: Khế ước nhận nợ lần 01, tiền lãi tính đến ngày 22/10/2019 là 33.167.770 đồng. Khế ước nhận nợ lần 02, tiền lãi tính đến ngày 22/10/2019 là 15.842.438 đồng và Khế ước nhận nợ lần 03, tiền lãi tính đến ngày 22/10/2019 là 36.926.664 đồng, tổng tiền lãi là 81.043.244 đồng. Do, Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền nợ nợ lãi là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, Điều 465 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V buộc Công ty B trả tiền nợ gốc 227.560.022 đồng, tiền nợ thẻ 262.168.622 đồng và tiền nợ lãi 85.936.872 đồng, tổng cộng là 575.665.516 đồng.

[7] Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ hợp đồng bảo lãnh số SME/Q11/18/0011/HDBL.01 và số SME/Q11/18/0011/HDBL.02 cùng ngày 12/4/2018 và hợp đồng bảo lãnh số SME/HĐBL/VPBank - The.01 và số SME/HĐBL/VPBank - The.02 cùng ngày 23/4/2018 giữa ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P với Ngân hàng V - Chi nhánh Quận U, theo đó ông K và ông P bảo lãnh khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/Q11/18/0011/HDHM ngày 12/4/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 02 ngày 23/4/2018. Ông K và ông P cam kết trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ông K và ông P trả nợ thay cho Công ty B. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Quận U với ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Ngân hàng V yêu cầu ông Nguyễn Hồng K, ông Nguyễn Hồng P có trách

nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty B trong trường hợp Công ty B không trả hoặc trả nợ không đủ là có căn cứ.

[8] Nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Theo Án lệ số 08/2016/AL được lựa chọ từ quyết định giam đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự đuều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho phù hợp.

[9] Xét Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V yêu cầu Công ty B trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận. Ngân hàng V được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 465 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Phụ liệu Ngành may B trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 575.665.516 (Năm trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm mười sáu) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 227.560.022 (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm hai mươi hai) đồng; Tiền nợ thẻ 262.168.622 (Hai trăm sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi hai) đồng và Tiền nợ lãi 85.936.872 (Tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi hai) đồng.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Phụ liệu Ngành may B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/Q11/18/0011/HDHM ngày 12/4/2018, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 12/4/2018 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 21/4/2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu Ngành may B phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu Ngành may B không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu Ngành may B.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu Ngành may B phải chịu án phí 27.026.620 (Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi) đồng.

2.2 Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 11.163.540 (Mười một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038432 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phụ liệu Ngành may B, ông Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Hồng P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu